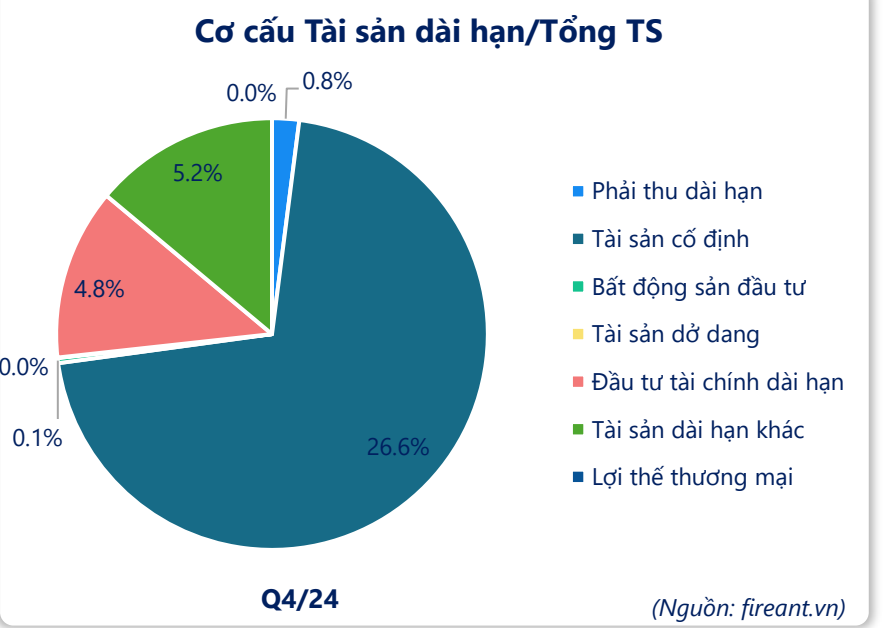
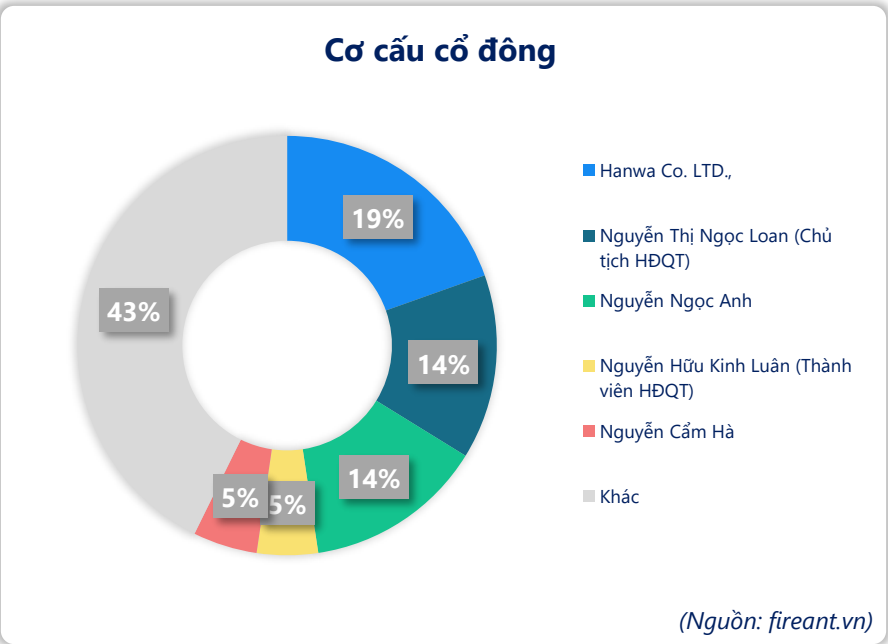
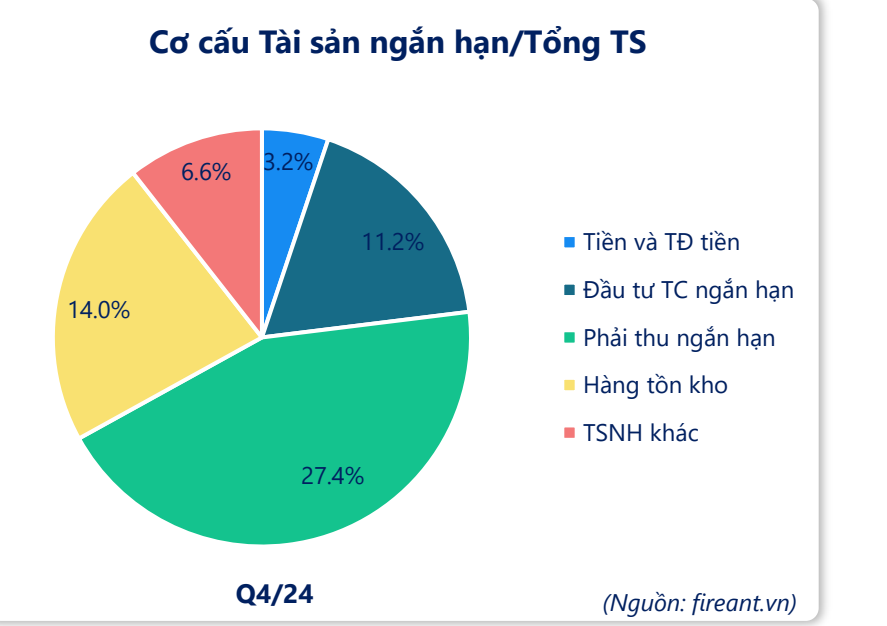
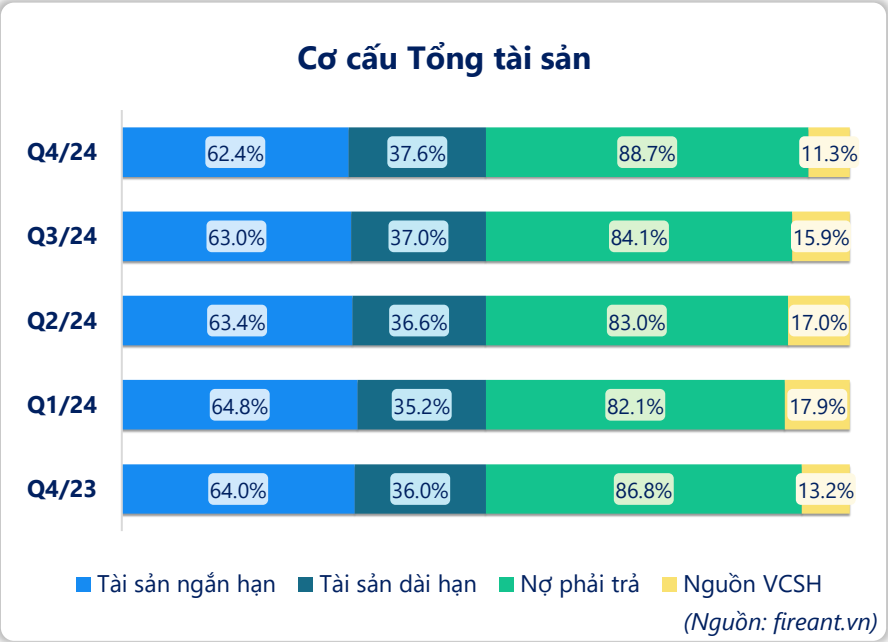
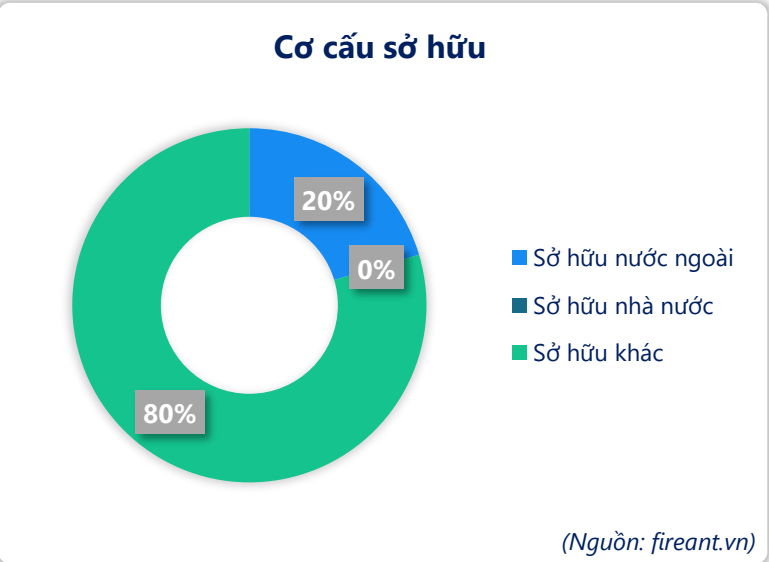
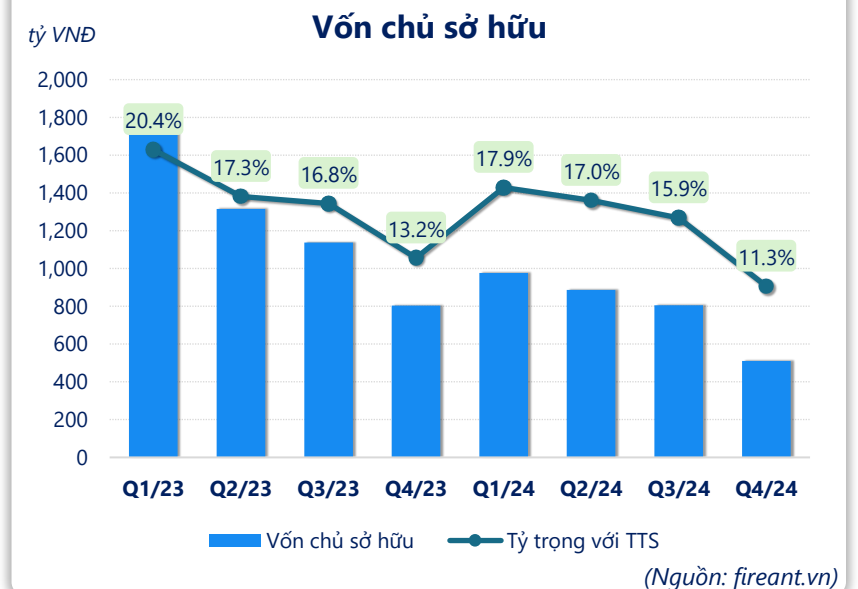
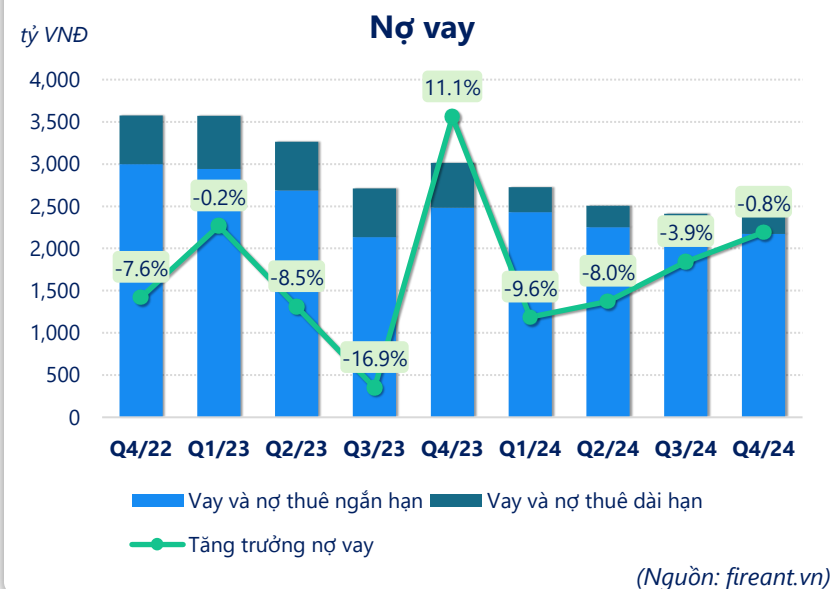
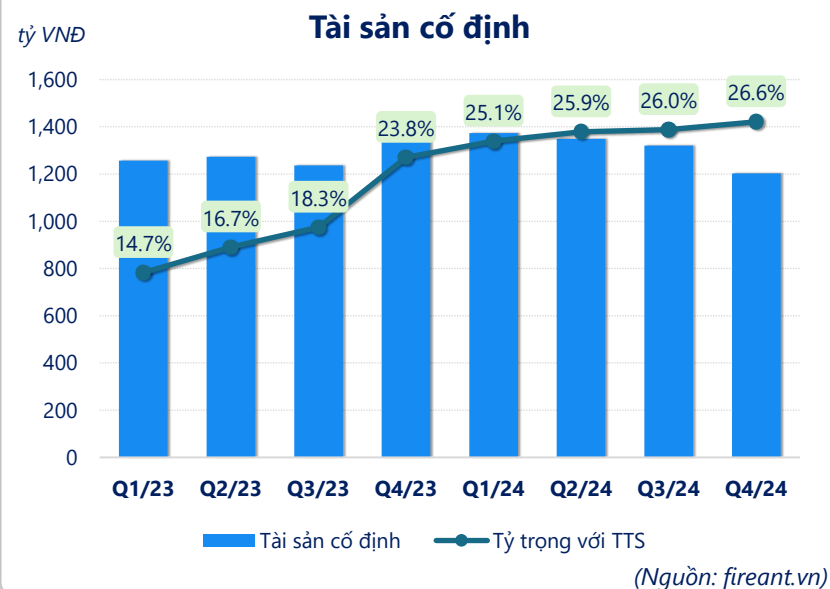
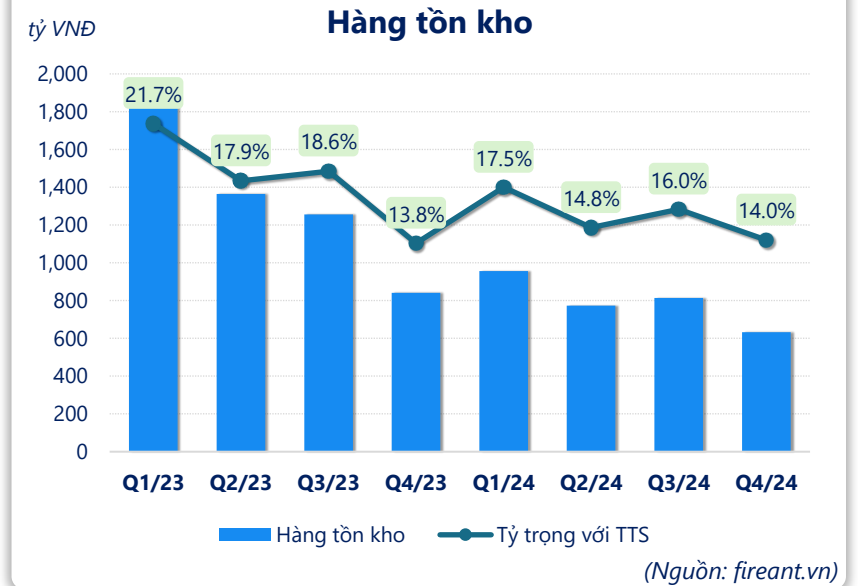
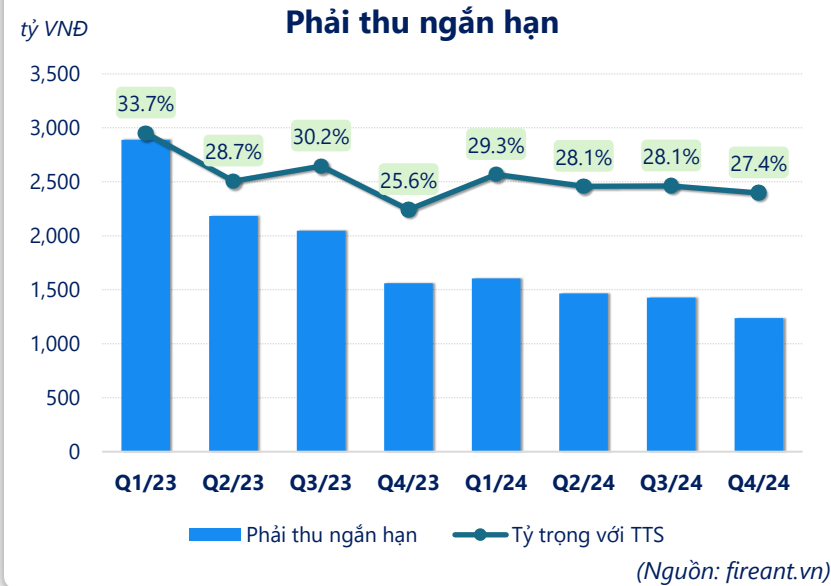
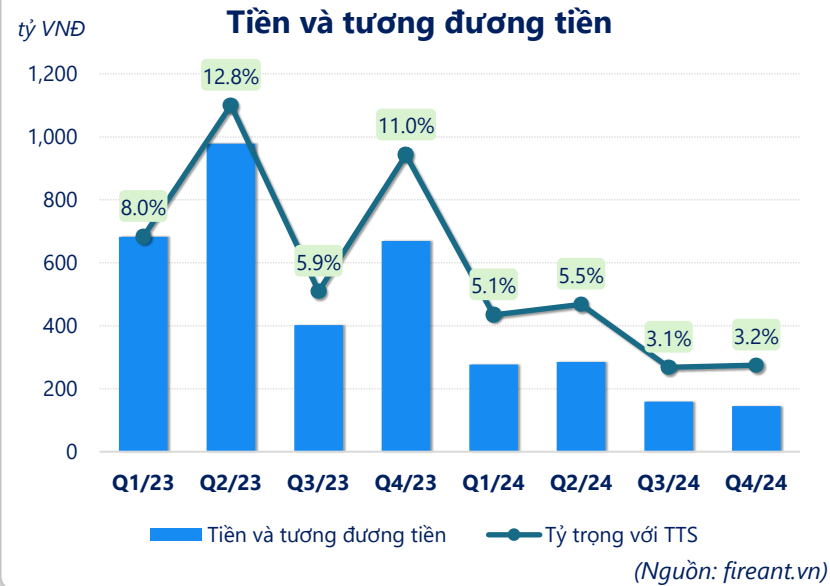
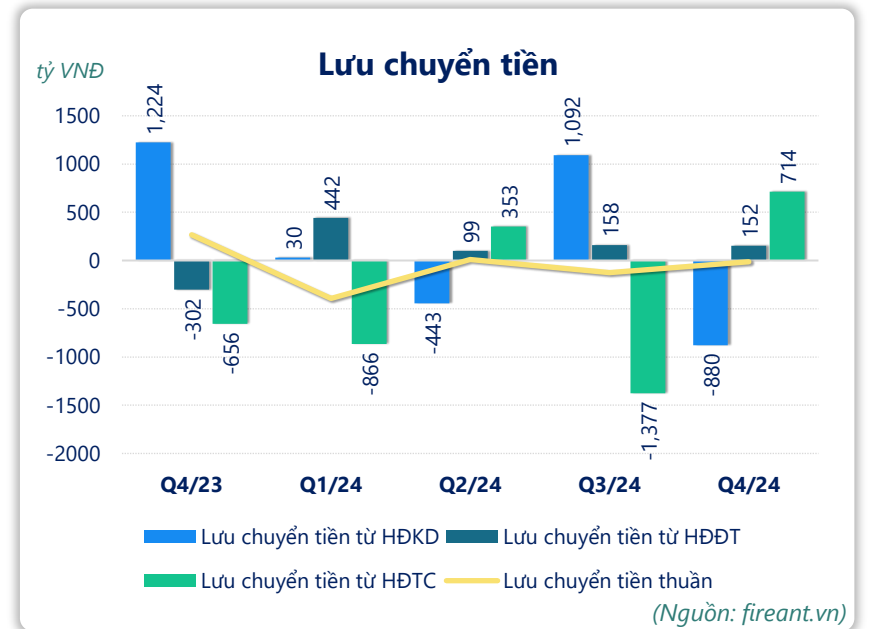
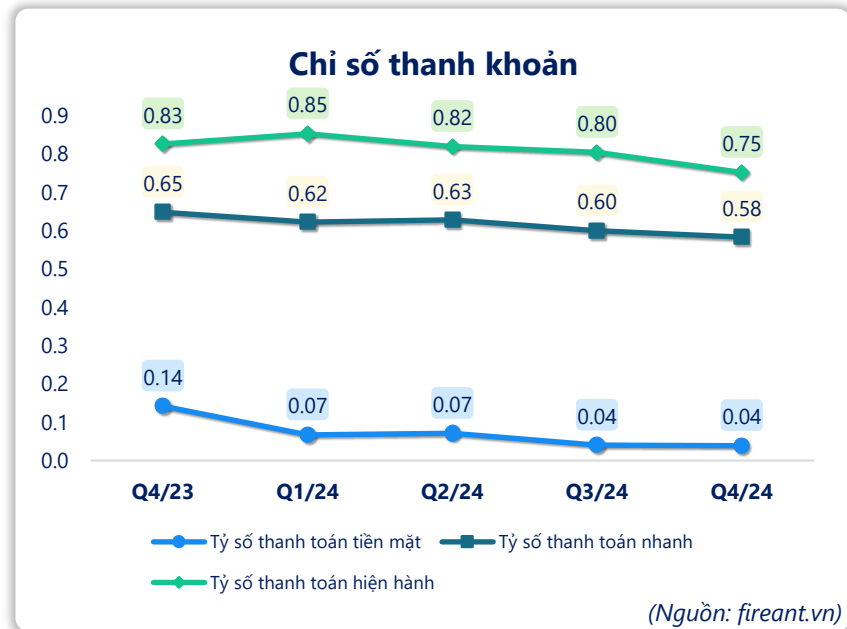
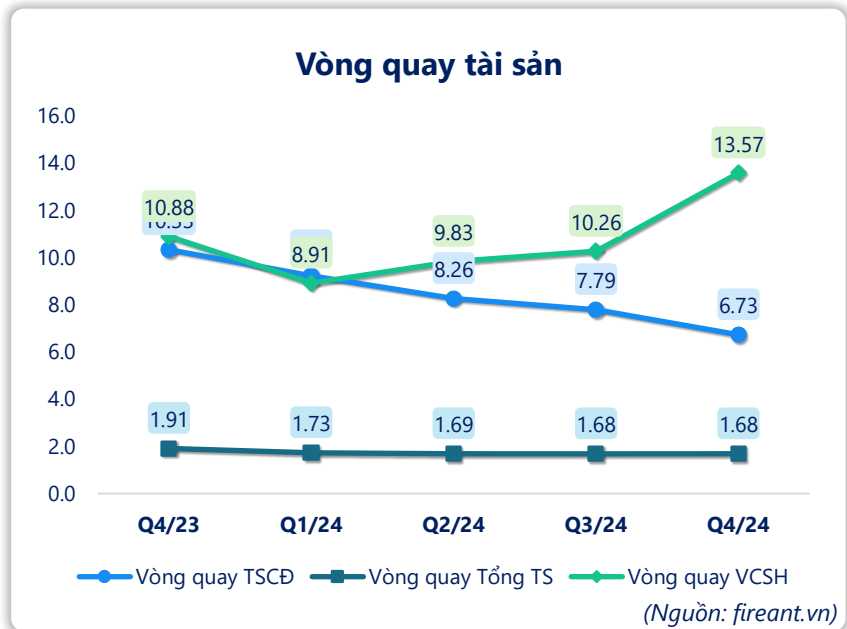
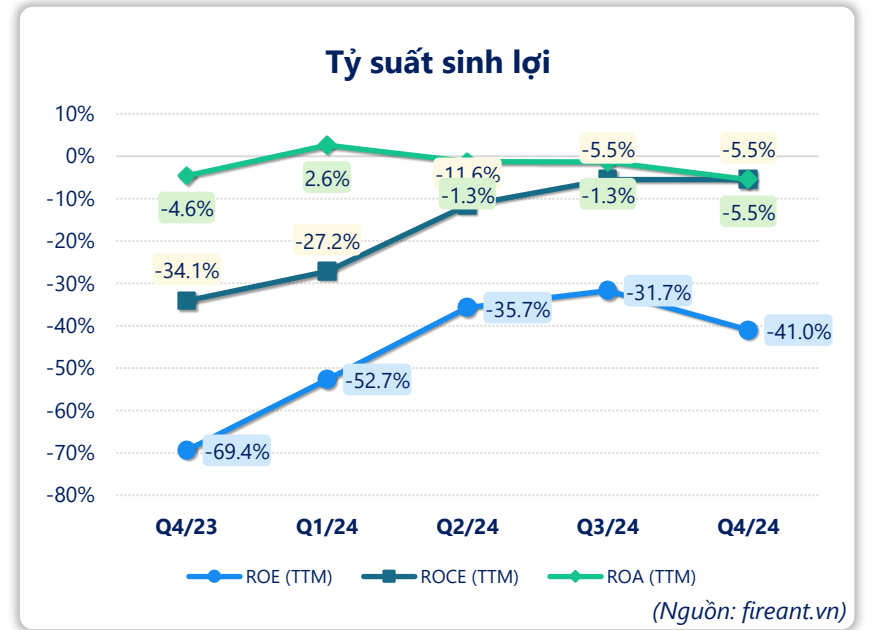
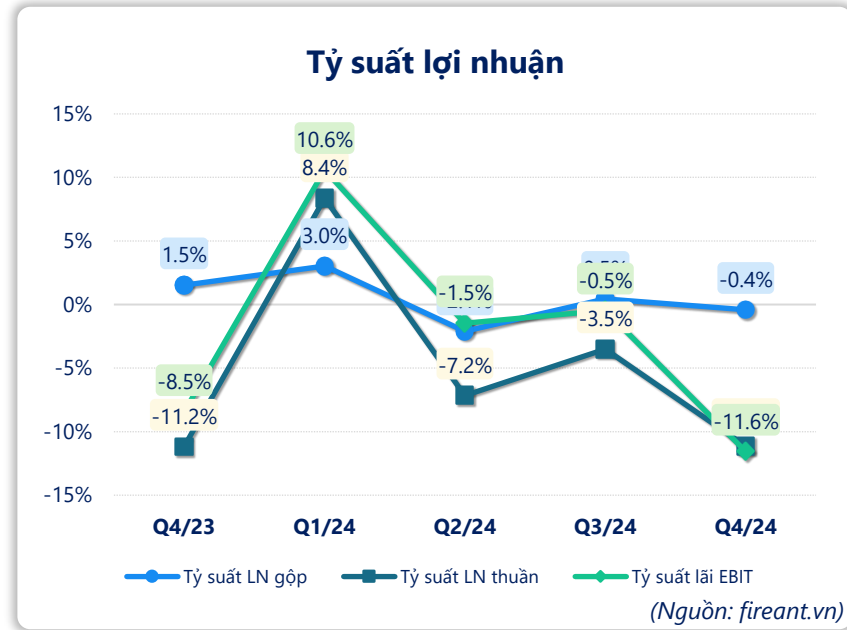
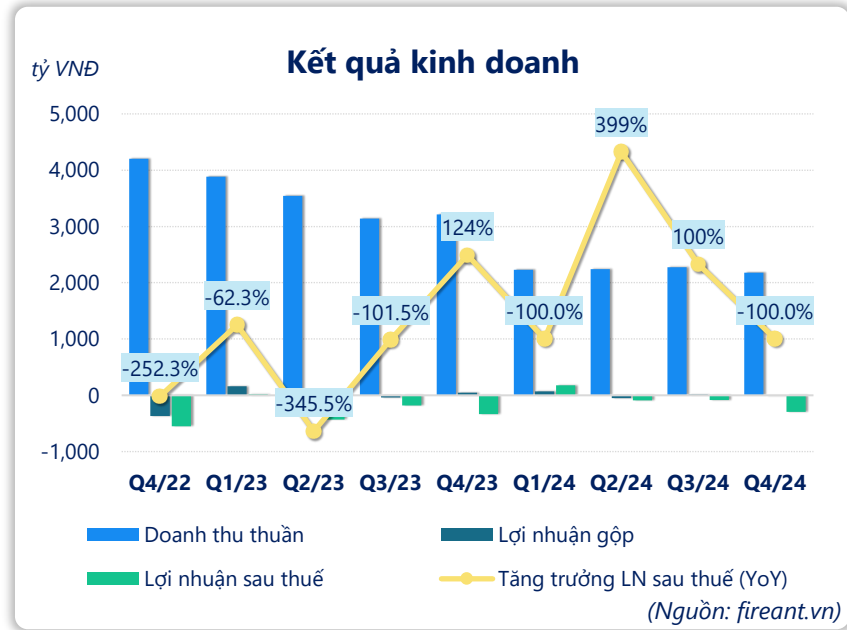


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		8,360
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		20,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,150
SL cổ phiếu LH		73,606,837
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,036,565
% sở hữu nước ngoài		20.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		615
P/E		-2.3
EPS		-3,663

	YTD	1T	3T	6T
SMC		25.1%	19.4%	-58.6%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	4,511	6,179	-27.0%
Tài sản ngắn hạn	2,814	3,982	-29.3%
Tiền và tương đương tiền	145	670	-78.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	504	489	3.1%
Phải thu ngắn hạn	1,236	1,648	-25.0%
Hàng tồn kho	632	841	-24.9%
Tài sản ngắn hạn khác	298	335	-11.0%
Tài sản dài hạn	1,698	2,197	-22.7%
Phải thu dài hạn	34.4	35.6	-3.3%
Tài sản cố định	1,202	1,451	-17.2%
Bất động sản đầu tư	6.48	6.84	-5.3%
Tài sản dở dang	0.61	50.0	-98.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	218	271	-19.6%
Tài sản dài hạn khác	236	382	-38.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4,000	5,381	-25.7%
Nợ ngắn hạn	3,741	5,007	-25.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,173	2,685	-19.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,451	2,010	-27.8%
Nợ dài hạn	259	374	-30.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	217	332	-34.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	511	798	-35.9%
Vốn chủ sở hữu	511	798	-35.9%
Vốn điều lệ	737	737	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	3,212	2,229	2,241	2,277	2,177
Giá vốn hàng bán	3,163	2,162	2,288	2,266	2,186
Lợi nhuận gộp	48.8	67.6	-47.2	10.3	-9.06
Doanh thu HĐTC	30.1	327	-100	10.3	7.89
Chi phí TC	78.6	155	-34.2	47.8	65.8
Chi phí lãi vay	57.8	56.6	32.2	71.8	41.6
LN trong công ty LKLD	-3.42	0	-0.32	0	-82.1
Chi phí bán hàng	29.5	26.0	22.3	24.1	20.7
Chi phí QLDN	326	26.8	24.6	28.8	146
LN thuần từ HĐKD	-359	187	-160	-80.0	-242
Lợi nhuận khác	29.6	-7.07	95.1	-2.34	-51.2
LN trước thuế	-329	180	-65.1	-82.3	-293
Lợi nhuận sau thuế	-333	179	-90.2	-82.4	-294
LNST của CĐ cty mẹ	-330	183	-82.8	-78.6	-292

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1,224	30.1	-443	1,092	-880
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-302	442	98.7	158	152
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-656	-866	353	-1,377	714
Tiền đầu kỳ	402	670	277	285	159
Lưu chuyển tiền thuần	266	-393	8.56	-126	-14.0
Ảnh hưởng tỷ giá	1.13	1.12	-0.87	-0.03	-0.03
Tiền cuối kỳ	670	277	285	159	145

(Nguồn: fireant.vn)